

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2022/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác
Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của
Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành
một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành
một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 142/2015/TT-BTC ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá;*

*Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực
hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ
quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo giá thị trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 19/TTr-STC ngày
18 tháng 4 năm 2022, ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số
41/BC-STP ngày 23 tháng 3 năm 2022 và thống nhất của các thành viên UBND
tỉnh.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đặng Văn Minh

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu (sau đây viết tắt là CSDL) về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Những nội dung không được quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 142/2015/TT-BTC ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về giá và các văn bản Quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc quản lý, vận hành, khai thác CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là phần mềm được cài đặt, lưu trữ tập trung tại Sở Tài chính để thực hiện quản lý thông tin về giá cả các loại hàng hóa, dịch vụ và tài sản theo yêu cầu quản lý của nhà nước và của Bộ Tài chính.

2. Thông tin về giá cả các loại hàng hóa, dịch vụ và tài sản là toàn bộ các thông tin về danh mục và mức giá của các loại hàng hóa, dịch vụ và tài sản do các đơn vị cung cấp, cập nhật vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Điều kiện về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin để vận hành CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

1. Địa chỉ truy cập vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi:

a) Địa chỉ truy cập dành cho công chức của các sở, ban ngành cấp tỉnh và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố: <https://csdlgiastc.quangngai.gov.vn>;

b) Địa chỉ truy cập dành cho các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh: <https://csdlgia.quangngai.gov.vn>.

2. Máy vi tính của người sử dụng tại Sở Tài chính và các sở, ban ngành phải được kết nối với hạ tầng truyền thông của ngành hoặc phải được kết nối internet; máy vi tính của người sử dụng tại các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phải được kết nối internet.

3. Máy vi tính của người sử dụng phải được cài đặt một trong các trình duyệt web sau: Mozilla Firefox 30.0 trở lên, Internet Explorer 8.0 trở lên và Chrome/Chromium 33.0 trở lên.

4. Thông tin nhập vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi sử dụng phông chữ Unicode TCVN 6909:2001 và gõ dấu tiếng Việt. Các văn bản dùng hệ phông chữ khác với Unicode, phải được chuyển đổi sang định dạng phông chữ Unicode TCVN 6909:2001 trước khi tải vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 5. Tài khoản sử dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

1. Tài khoản quản trị:

Sở Tài chính được cấp 01 tài khoản quản trị để thực hiện việc hỗ trợ quản trị mức cao, quản trị hỗ trợ người sử dụng, quản trị hệ thống.

2. Tài khoản sử dụng:

a) Sở Tài chính: Được cấp tài khoản sử dụng cho toàn bộ công chức lãnh đạo Sở, 01 tài khoản cho Văn phòng Sở, 01 tài khoản cho Thanh tra Sở và toàn bộ công chức thuộc Phòng Quản lý giá và công sản.

b) Các Sở: Công Thương, Giao thông vận tải, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi mỗi đơn vị được cấp 02 tài khoản gồm: 01 tài khoản cho công chức lãnh đạo, 01 tài khoản cho chuyên viên.

c) Các Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện: Mỗi cơ quan được cấp 02 tài khoản, gồm: 01 tài khoản cho công chức lãnh đạo, 01 tài khoản cho chuyên viên.

d) Các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn tỉnh: Được cấp 01 tài khoản để thực hiện việc cung cấp và khai thác dữ liệu trong phạm vi được phân quyền, đối với các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức chưa có tài khoản thực hiện theo Quy trình cấp tài khoản theo khoản 3 Điều này.

3. Quy trình cấp tài khoản sử dụng:

Trong quá trình vận hành, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân (gọi tắt là đối tượng sử dụng) có nhu cầu cấp thêm tài khoản thực hiện theo các bước sau:

a) Đối tượng sử dụng có nhu cầu cấp tài khoản gửi yêu cầu cấp tài khoản sử dụng mới đến Sở Tài chính bằng văn bản (*các thông tin trong văn bản đề nghị bao gồm: Họ và tên, chức vụ, bộ phận công tác, điện thoại, địa chỉ thư điện tử*).

b) Sở Tài chính xem xét, tạo tài khoản và phân quyền sử dụng trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo đúng chức năng nhiệm vụ của đối tượng sử dụng.

c) Tài khoản mới được cấp trong phong bì có dấu mật được Sở Tài chính gửi đến đối tượng có yêu cầu.

d) Đối tượng nhận tài khoản mới và đổi mật khẩu trong lần đầu tiên đăng nhập vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

đ) Thời gian xử lý cấp tài khoản mới không quá 05 ngày làm việc tính theo dấu xác nhận Công văn đến.

4. Tên tài khoản trong CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được tạo theo nguyên tắc như sau:

a) Tài khoản người dùng là công chức Sở Tài chính: **[Họ][Tên đệm][Tên Công chức][Số thứ tự (nếu có)]**

Trong đó: Số thứ tự chỉ được thêm vào khi có từ 02 công chức có họ tên trùng nhau.

b) Tài khoản của người dùng là công chức các Sở, ban ngành có liên quan và Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện: **[Mã hệ thống]-[Tên đơn vị]-[Mã vai trò]-[Số thứ tự (nếu có)]**

Trong đó:

- Mã hệ thống: Mặc định là CSDLGIA;
- Mã đơn vị: Theo tên viết tắt như quy định tại **Phụ lục** kèm theo;
- Mã vai trò: LD: Lãnh đạo; CV: Chuyên viên;
- Số thứ tự (nếu có): Trong trường hợp có nhiều hơn một tài khoản có vai trò tương tự nhau tại một đơn vị sử dụng thì đặt số thứ tự là số nguyên tăng dần.

5. Đảm bảo an toàn đối với tài khoản sử dụng:

a) Đối với tài khoản dùng chung cho một đối tượng sử dụng có nhiều người dùng, phải có cơ chế quy định trách nhiệm của các cá nhân trong quản lý tài khoản.

b) Trường hợp người dùng thay đổi vị trí công tác, chuyên công tác, thôi việc hoặc nghỉ hưu phải thông báo kịp thời bằng văn bản gửi về Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh, thu hồi, hủy bỏ các quyền sử dụng của người dùng đó trong hệ thống.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 6. Cập nhật thông tin trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

1. Sở Tài chính cập nhật thông tin về:

a) Cơ sở dữ liệu về giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo giá thị trường theo quy định tại Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo giá thị trường.

b) Giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá:

- Giá nước sạch cho sinh hoạt và cho mục đích khác;
- Giá cho thuê tài sản công là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;

- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

c) Quản lý thông tin định giá tài sản trong hoạt động tổ tụng hình sự.

d) Giá đăng ký của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá phải thực hiện đăng ký giá trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

đ) Giá kê khai của hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

e) Cập nhật văn bản quản lý nhà nước về giá; danh mục nghiệp vụ trong CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; danh sách doanh nghiệp thẩm định giá.

2. Sở Công Thương cập nhật thông tin về:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá:

- Giá cụ thể đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ.
- Giá tối đa với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, đối với các chợ theo phân cấp quản lý thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương (chợ hạng I).

- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Giá đăng ký của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá phải thực hiện đăng ký giá trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

c) Giá kê khai của hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Sở Giao thông vận tải cập nhật thông tin về:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá gồm:

- Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng đò được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

- Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga cảng biển (*bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, nhà ga cảng biển*) do địa phương quản lý.

- Giá cước vận chuyển hàng hóa bằng ô tô, cước vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy được thanh toán từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Giá kê khai của hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Sở Y tế cập nhật thông tin về:

a) Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá.

b) Giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá: Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

c) Giá đăng ký của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá phải thực hiện đăng ký giá trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

d) Giá kê khai của hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo cập nhật thông tin về:

a) Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá.

b) Giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá: Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cập nhật thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá:

a) Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu.

b) Giá cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý.

c) Khung giá đối với dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

d) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

đ) Giá cây trồng để thực hiện việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá:

a) Giá các loại đất trên địa bàn tỉnh.

b) Hệ số điều chỉnh giá đất thuộc trách nhiệm được phân công theo quy định.

c) Giá cho thuê đất, thuê mặt nước.

d) Giá khởi điểm để đấu giá, giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất do các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện tổ chức đấu giá (*Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh*).

đ) Giá tối đa với dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

e) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

8. Sở Xây dựng cập nhật thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá:

a) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở.

b) Giá tối đa với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

c) Giá vật tư, vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

d) Giá bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

đ) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

9. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi cập nhật thông tin về:

a) Giá khởi điểm để đấu giá, giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất thuộc phạm vi quản lý.

b) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

10. Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện cập nhật thông tin về:

a) Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo giá thị trường theo quy định của Bộ Tài chính và của pháp luật.

b) Giá khởi điểm để đấu giá, giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất do các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện thực hiện tổ chức đấu giá.

c) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

d) Giá đăng ký của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá phải thực hiện đăng ký giá trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

đ) Giá kê khai của hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

11. Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cập nhật thông tin về:

a) Doanh nghiệp đăng ký, kê khai giá trên địa bàn tỉnh cập nhật:

- Hồ sơ đăng ký giá của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá phải thực hiện đăng ký giá trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá;

- Hồ sơ kê khai của các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá.

b) Doanh nghiệp thẩm định giá trên địa bàn tỉnh cập nhật: Thông tin, giá tài sản thẩm định giá do doanh nghiệp thẩm định giá thẩm định.

Điều 7. Tần suất cập nhật dữ liệu

1. Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo giá thị trường: Cập nhật định kỳ 01 lần trước ngày 05 tháng tiếp theo của kỳ báo cáo.

2. Các doanh nghiệp thực hiện cập nhật Hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá hàng hóa, dịch vụ trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi khi nộp hồ sơ theo quy định của pháp luật. Công chức sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ đăng ký, kê khai giá thực hiện kiểm tra, xét duyệt (lần 1) trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, gửi Sở Tài chính kiểm tra, xét duyệt (lần 2) trong vòng 03 ngày làm việc tiếp theo.

3. Đối với giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá: Trong vòng 30 ngày sau khi ban hành văn bản quy định.

4. Thông tin tài sản thẩm định giá: Khi doanh nghiệp thẩm định giá phát hành chứng thư thẩm định giá cho khách hàng.

5. Các thông tin cần cập nhật còn lại (*được quy định tại Điều 6 Quy chế này*): Khi có văn bản quy định mới ban hành hoặc khi có phát sinh thông tin, dữ liệu.

6. Gửi dữ liệu lên CSDL quốc gia về giá: Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 8. Hình thức cập nhật dữ liệu

1. Các đối tượng thuộc phạm vi triển khai CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thực hiện cập nhật dữ liệu qua tệp Excel được kết xuất từ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hoặc nhập trực tiếp trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Riêng đối với hồ sơ đăng ký, kê khai giá đề nghị đính kèm theo bản chụp của văn bản vào phần mềm CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Thông tin, dữ liệu về giá, sau khi được công chức của các sở, ban ngành, cơ quan, đơn vị cập nhật vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi cần được rà soát, đánh giá, phê duyệt của công chức lãnh đạo cấp trên bằng tài khoản công chức lãnh đạo đã được cung cấp và phân quyền. Sở Tài chính chịu trách nhiệm duyệt các dữ liệu của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp gửi trên phần mềm trước khi được lưu vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 9. Công khai dữ liệu

1. Sở Tài chính thiết lập các dữ liệu tự động công khai trong CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Sở Tài chính thực hiện rà soát và công khai một tháng một lần đối với dữ liệu cần thực hiện biên tập trước khi công khai.

Điều 10. Khai thác thông tin, số liệu thông qua CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

1. Sở Tài chính là đầu mối chủ trì quản lý, khai thác và sử dụng thông tin trong CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nhằm cung cấp thông tin về giá phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước và theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan xây dựng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp, cập nhật thông tin về giá phục vụ xây dựng CSDL về giá được phân quyền khai thác, sử dụng dữ liệu về giá thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình. Việc phân quyền, cho phép khai thác thông tin dữ liệu từ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi do Sở Tài chính quy định.

3. Thông tin, số liệu trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được khai thác, sử dụng phục vụ điều hành, thống kê, phân tích, đánh giá, dự báo về giá của tài sản, hàng hóa, dịch vụ và các thông tin khác liên quan.

4. Nghiêm cấm việc sử dụng số liệu từ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi vào mục đích cá nhân mà không được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trừ các dữ liệu đã được công khai trên hệ thống.

Điều 11. Thực hiện quản trị danh mục hệ thống

Sở Tài chính thực hiện quản lý vai trò của người dùng, phân quyền phạm vi dữ liệu và các cấu hình khác để vận hành hệ thống.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đảm bảo CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hoạt động thông suốt.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, đơn vị cung cấp phần mềm và các sở, ban ngành có liên quan trong việc hướng dẫn vận hành, sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

3. Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật cho việc đồng bộ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi với Hệ thống CSDL quốc gia về giá.

4. Bảo đảm an toàn cho hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

5. Tiếp nhận yêu cầu từ các đơn vị, thực hiện hỗ trợ người sử dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi về kỹ thuật công nghệ thông tin, xử lý vướng mắc của các đơn vị nghiệp vụ trong quá trình sử dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; kịp thời bổ sung, điều chỉnh các tài khoản truy cập theo quy định khi có yêu cầu của các cơ quan, tổ chức và cá nhân; định kỳ rà soát các tài khoản truy cập CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

6. Cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đối với các loại giá do Sở Tài chính báo cáo, theo dõi.

7. Định kỳ tháng, quý thực hiện kiểm tra dữ liệu trong hệ thống, đôn đốc các đơn vị thực hiện cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác và đúng thời gian quy định vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

8. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả việc cập nhật, khai thác và quản lý, vận hành CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Tài chính, hỗ trợ về kỹ thuật công nghệ khi có yêu cầu, đảm bảo phần mềm vận hành thông suốt.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân

1. Cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
2. Thông báo sự cố, vấn đề cần hỗ trợ trong quá trình ứng dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để được hỗ trợ.
3. Khai thác thông tin, báo cáo theo phân quyền trên hệ thống.
4. Quản lý đảm bảo an ninh, an toàn đối với tài khoản truy cập vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã được cấp.
5. Thông báo bằng văn bản đến Sở Tài chính những trường hợp bỏ sung, điều chỉnh tài khoản và quyền truy cập, khai thác CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Việc quản lý, vận hành, khai thác CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tuân thủ đúng các quy định về quản lý giá, quy định về an toàn thông tin của pháp luật và Quy chế này.
2. Việc trao đổi, gửi văn bản mật và các thông tin được quy định không trao đổi qua môi trường mạng phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định khác về quản lý thông tin trên mạng internet.
3. Các thông tin về tài khoản truy cập vào hệ thống phần mềm CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và các thông tin trao đổi hợp pháp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thông qua hệ thống phần mềm CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được bảo mật theo quy định hiện hành của Nhà nước.
4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi phát tán mã độc máy tính thông qua phần mềm CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật có liên quan.
5. Cá nhân, đơn vị, tổ chức, cơ quan được giao sử dụng các tài khoản của hệ thống phần mềm CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi chịu trách nhiệm về tài khoản được giao theo quy định của hiện hành của Nhà nước.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục

QUY ƯỚC ĐẶT MÃ ĐƠN VỊ

(Kèm theo Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Đơn vị	Viết tắt
I	Cấp tỉnh	
1	Sở Tài chính	STC
2	Sở Công Thương	SO_CT
3	Sở Giao thông vận tải	SO_GTVT
4	Sở Y tế	SO_YT
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	SO_GDDT
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	SO_NNPTNN
7	Sở Xây dựng	SO_XD
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	SO_TNMT
9	Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi	BA_KTDQ
II	Cấp huyện	
1	Thành phố Quảng Ngãi	TP_QUANGNGAI
2	Thị xã Đức Phổ	TX_DUCPHO
3	Huyện Bình Sơn	H_BINHSON
4	Huyện Trà Bồng	H_TRABONG
5	Huyện Sơn Tịnh	H_SONTINH
6	Huyện Tư Nghĩa	H_TUNGHIA
7	Huyện Sơn Hà	H_SONHA
8	Huyện Sơn Tây	H_SONTAY
9	Huyện Minh Long	H_MINHLONG
10	Huyện Nghĩa Hành	H_NGHIAHANH
11	Huyện Mộ Đức	H_MODUC
12	Huyện Ba Tơ	H_BATO
13	Huyện Lý Sơn	H_LYSON